

Bản án số: 149/2020/HS-ST
Ngày 17/11/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc;

2. Bà Cao Kim Triều.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Anh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 154/2020/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1114/2020/QĐXXST-HS ngày 02/11/2020 đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh năm 1989 tại tỉnh Trà Vinh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; con ông Trần Ngọc D (tên khác: Nguyễn Văn B1, sinh năm 1965) và bà Nguyễn Thị P5 (sinh năm 1968); Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em; Vợ là bà Trương Hữu KM (sinh năm 1992, không đăng ký kết hôn); Bị cáo có 01 người con sinh năm 2014.

Tiền án: 02 tiền án.

- Ngày 03/3/2009, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 50/2009/HSST. Ngày 30/8/2010, chấp hành xong hình phạt tù. Chưa xóa án tích.

- Ngày 12/7/2011, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh tuyên phạt 09 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 66/2011/HSST. Do kháng cáo, ngày 21/9/2011 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử y án sơ thẩm theo Bản án số 660/2011/HSPT. Ngày 01/02/2018, chấp hành xong hình phạt tù. Chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2020 cho đến nay (Có mặt).

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 2x Đường N, Phường MH, quận BT, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lưu Chung C, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 5x đường P, xã H, huyện N, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ông Trương Vĩnh T1, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 7x Đường T, phường T, Quận B3, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 2x Đường Đ, Phường P, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Đình N1, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: 1x Đường B, Phường P, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Nguyên C1, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 3x V, Phường HH, quận BT, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1998 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 2x Đường Đ, Phường MK, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Ông Huỳnh Tuấn V, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Dx Đường B, Phường B, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 25 phút ngày 06/6/2020, Trần Văn N điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha loại Nouvo, biển kiểm soát 59T1-518.XX lưu thông trên đường Đường B, Quận 1 thì nhìn thấy bà Nguyễn Thị Bích T và ông Lê Nguyên C1 đi bộ sang đường Đường Đ, trên tay phải của bà Tuyền cầm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Khi đến trước số 02 Đường Đ, Phường P, Quận M, N điều khiển xe mô tô áp sát phía bên phải bà Tuyền rồi dùng tay trái giật chiếc điện thoại Iphone 7 Plus trên tay phải bà Tuyền rồi tăng ga bỏ chạy. Cùng lúc này, các ông Huỳnh Tuấn V và Nguyễn Thanh L nghe thấy bà T tri hô nên chạy ra chặn xe làm N té ngã xuống đường và rơi điện thoại của bà T. N bỏ chạy đến giao lộ Đường B - Đường Đ thì bị các ông L, V bắt giữ, thu giữ vật chứng giao Công an Phường P, Quận M lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, rồi chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 xử lý.

Theo Kết luận định giá tài sản số 122/KL-HĐĐGTS ngày 08/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, dung lượng 128GB, số imei: 359180070081267 trị giá 5.800.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa trị giá 25.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 5.825.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, lời khai của bị can phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được.

* Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, số imei: 359180070081267.
- 01 (một) ốp lưng điện thoại bằng nhựa.
- Số tiền 3.600.000 đồng để bên trong ốp lưng điện thoại của bị hại.

Tất cả các tài sản trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại là bà Nguyễn Thị Bích T.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha loại Nouvo, biển kiểm soát 59T1-518.XX, số máy 5P11-032928, số khung: RLCN5P1108Y032928. Trong quá trình Trần Văn N bị phát hiện, bắt giữ, lợi dụng sơ hở Nguyễn Đình N1 đã lấy trộm chiếc xe trên tại trước số nhà 16x Đường P, Phường P, Quận M. Nguyễn Đình N1 đã bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 118/2020/HS-ST ngày 22/9/2020. Qua xác minh chiếc xe trên do bà Nguyễn Thị H (Thường trú: 2x Đường Đ, Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký. Bà H hiện không còn ở nơi cư trú, đi đâu không rõ. Ông Trương Vĩnh T1 khai mua xe trên của một người thanh niên (không rõ lai lịch) vào khoảng tháng 10/2019 với giá 3.000.000 đồng, không làm hợp đồng mua bán xe nhưng có giấy đăng ký xe. Sau đó, ông T1 cho bạn là ông Lưu Chung C mượn sử dụng. Ngày 05/6/2020, ông C cho Trần Văn N mượn xe nhưng không biết N sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. **Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu tài sản nhưng chưa có kết quả.**

- 01 (một) đĩa CD ghi lại quá trình phạm tội của Trần Văn N (Kèm theo hồ sơ vụ án).

Thu giữ của Trần Văn N:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số imei: 861516040222492.
- 01 (một) áo sơ mi tay dài, màu trắng, 01 (một) quần jean dài, màu xanh; 01 (một) nón bảo hiểm màu xám, sọc trắng - đen.

Hiện vật chứng được Công an Quận 1 tạm giữ.

Trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Bích T không có yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 14 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đề nghị xử lý theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định khoảng 03 giờ 25 phút, ngày 06/6/2020, tại trước số nhà 02 Đường Đ, Phường P, Quận M, bị cáo Trần Văn N đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59T1-518.XX thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus bên trong ốp lưng có 3.600.000 đồng, tổng trị giá tài sản là 9.425.000 đồng của bà Nguyễn Thị Bích T sau đó điều khiển xe nhanh chóng tẩu thoát. Bị cáo N sử dụng xe gắn máy để làm phương tiện đi cướp giật thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm. Bị cáo có 02 tiền án về tội cướp giật tài sản và tội cướp tài sản, ngày 01/12/2018 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. Đến ngày 06/6/2020, bị cáo lại tiếp tục phạm tội thuộc loại tội đặc biệt nghiêm trọng nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, hành vi của bị cáo N đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, i khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Hành vi của bị cáo là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, việc bị cáo sử dụng phương tiện xe gắn máy để làm phương tiện phạm tội không những có khả năng gây tai nạn giao thông, làm hoang mang cho người đi đường, gây thương tích cho người bị hại và ngay cả bản thân bị cáo. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân nên vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo có nhân thân xấu, đã có 02 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” vào năm 2009 và “Cướp tài sản” vào năm 2011. Nhưng sau khi trở về địa phương, bị cáo không lấy đó làm bài học tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân thành người tốt mà còn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần áp dụng mức án nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe đối với bản thân bị cáo và

phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, nhận thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Các tài sản gồm 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, số imei: 359180070081267; 01 (một) ốp lưng điện thoại bằng nhựa và số tiền 3.600.000 đồng đã thu hồi trả lại bị hại là bà Nguyễn Thị Bích T, bà T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha loại Nouvo, biển kiểm soát 59T1-518.XX, số máy 5P11-032928, số khung: RLCN5P1108Y032928. Trong quá trình Trần Văn N bị phát hiện, bắt giữ, lợi dụng sơ hở Nguyễn Đình N1 đã lấy trộm chiếc xe trên tại trước số nhà 16A Đường P, Phường P, Quận M. Nguyễn Đình N1 đã bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 118/2020/HS-ST ngày 22/9/2020. Qua xác minh do bà Nguyễn Thị H (Thường trú: 2x Đường Đ, Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký. Bà Hằng hiện không còn ở nơi cư trú, đi đâu không rõ. Ông Trương Vĩnh T1 khai mua xe trên của một người thanh niên (không rõ lai lịch) vào khoảng tháng 10/2019 với giá 3.000.000 đồng, không làm hợp đồng mua bán xe nhưng có giấy đăng ký xe. Sau đó, ông T1 cho bạn là ông Lưu Chung C mượn sử dụng. Ngày 05/6/2020, ông Cầm cho Trần Văn N mượn xe nhưng không biết N sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo truy tìm chủ sở hữu tài sản nhưng chưa có kết quả. Quá trình điều tra, ông T1 có yêu cầu được nhận lại chiếc xe, ông C xác nhận chiếc xe là thuộc sở hữu của ông T1 nên đề nghị trả lại chiếc xe cho ông T1. Mặt khác, ông T1 đang là người giữ giấy đăng ký xe nên có cơ sở để xác định ông T1 là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với chiếc xe trên. Vì vậy, xét thấy cần thiết tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe trong thời hạn nhất định, hết thời hạn không tìm được chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại chiếc xe cho ông Thành. Nếu có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe trên thì giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

- 01 (một) đĩa CD ghi lại quá trình phạm tội của Trần Văn N xét thấy cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số imei: 861516040222492 thu giữ của Trần Văn N xét thấy không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo N nhưng trước mắt cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- 01 (một) áo sơ mi tay dài màu trắng, 01 (một) quần jean dài màu xanh, 01 (một) nón bảo hiểm màu xám, sọc trắng – đen thu giữ của Trần Văn N xét thấy không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng bị cáo chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt Trần Văn N 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2020.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho Trần Văn N 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số imei: 861516040222492 nhưng trước mắt cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi tay dài màu trắng, 01 (một) quần jean quần dài màu xanh, 01 (một) nón bảo hiểm màu xám, sọc trắng – đen.

(Theo Phiếu nhập kho đồ vật tài liệu số 82-20/PNK ngày 17/8/2020 của Công an Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh).

- Tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha loại Nouvo, biển kiểm soát 59T1-518.XX, số máy 5P11-032928, số khung: RLCN5P1108Y032928 trong thời hạn 30 ngày. Quá thời hạn trên không tìm được chủ sở hữu thì trả lại cho ông Trương Vĩnh T1. Nếu có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe trên thì giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 115/20-PNK ngày 03/8/2020 của Công an Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh)

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa CD ghi lại quá trình phạm tội của Trần Văn N.

- Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại bà có

quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ;
- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Thi hành án hình sự Quận 1;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Hiền